

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gạch ngói Đồng Nai theo Quyết định số 2313/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Gạch ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 thành Công ty cổ phần. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0300397028, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 6 ngày 03/01/2019 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 01 năm 2019 là: 90.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng), được chia thành 9.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: DONG NAI BRICK AND TILE CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt là: TUILDONAI CORP.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 119, đường Điện Biên Phủ, phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là GND trên sàn UPCOM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Hoàng	Chủ tịch
	Bà Bùi Thị Chiêm	Thành viên
	Ông Võ Đình Thanh Thuyền	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên
Ban Kiểm Soát	Ông Lê Minh Đức	Trưởng ban
	Ông Hoàng Hữu Thăng	Thành viên
	Ông Trần Hồng Tuấn	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Quang Tuyền	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật sản xuất
	Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch đầu tư
	Ông Hoàng Hữu Thăng	Phó Tổng Giám đốc Hành chính nhân sự
	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Nhà máy 5 (bỏ nhiệm từ ngày 15 tháng 5 năm 2020)
	Ông Nguyễn Thanh Long	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Nhà máy 2 (bỏ nhiệm từ ngày 15 tháng 5 năm 2020)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Dũng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Số: 97/2021/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

A large, stylized blue handwritten signature.

Lưu Minh Tới

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	Trình bày lại VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		276.380.398.172	243.922.708.494
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	153.033.446.739	152.712.107.310
1. Tiền	111		40.033.446.739	47.189.393.091
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.000.000.000	105.522.714.219
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	10.000.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.053.430.477	9.078.338.553
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	23.353.455.977	8.980.097.950
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.646.791.599	1.964.309.233
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.273.854.918	354.502.737
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(2.220.672.017)	(2.220.571.367)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	76.414.957.404	81.786.878.185
1. Hàng tồn kho	141		88.884.652.035	95.040.115.538
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.469.694.631)	(13.253.237.353)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		4.878.563.552	345.384.446
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	4.787.071.891	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		91.491.661	345.384.446
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		114.216.358.167	113.191.418.024
I Các khoản phải thu dài hạn	210		1.432.296.659	1.294.495.885
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.432.296.659	1.294.495.885
II Tài sản cố định	220		36.708.393.246	36.059.478.942
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	36.708.393.246	36.059.478.942
- Nguyên giá	222		325.781.204.173	317.512.715.865
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289.072.810.927)	(281.453.236.923)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		104.103.860	104.103.860
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(104.103.860)	(104.103.860)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	4.891.000.967	5.388.390.887
1. Nguyên giá	231		12.207.837.490	12.207.837.490
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.316.836.523)	(6.819.446.603)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.239.600.000	4.239.600.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	3.239.600.000	4.239.600.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.11	10.000.000.000	10.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		57.945.067.295	56.209.452.310
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	57.945.067.295	56.209.452.310
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		390.596.756.339	357.114.126.518

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	Trình bày lại VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		97.403.429.964	95.563.799.876
I- Nợ ngắn hạn	310		95.824.671.653	93.808.911.565
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	19.600.713.764	22.219.654.364
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.000.471.471	1.071.322.795
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	6.556.003.213	6.104.988.206
4. Phải trả người lao động	314		11.493.537.064	19.438.564.104
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.931.246.279	2.272.509.007
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	10.060.735.791	9.034.175.718
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	26.241.351.495	17.801.225.550
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.940.612.576	15.866.471.821
II- Nợ dài hạn	330		1.578.758.311	1.754.888.311
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	1.578.758.311	1.754.888.311
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		293.193.326.375	261.550.326.642
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	293.193.326.375	261.550.326.642
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.226.167.169	8.305.148.444
3. Cổ phiếu quỹ	415		(5.436.345.621)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		118.795.738.147	106.484.738.147
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.607.766.680	56.760.440.051
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		24.860.600.051	12.260.085.335
- LNST chưa phân phối kì này	421b		56.747.166.629	44.500.354.716
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		390.596.756.339	357.114.126.518

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Xuân Quang

Bùi Thị Chiêm

Nguyễn Đức Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	Trình bày lại VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	337.133.775.737	359.902.131.588
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	337.133.775.737	359.902.131.588
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	241.796.257.493	279.501.358.877
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		95.337.518.244	80.400.772.711
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	17.099.926.855	14.762.552.009
7. Chi phí tài chính	22	5.22	1.394.042.391	1.139.847.917
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.043.468.944</i>	<i>851.611.090</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.23	15.128.003.430	15.245.079.660
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	27.135.293.898	26.286.854.169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		68.780.105.380	52.491.542.974
11. Thu nhập khác	31	5.25	54.945.000	121.131.491
12. Chi phí khác	32	5.25	-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		54.945.000	121.131.491
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		68.835.050.380	52.612.674.465
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	12.050.042.844	8.792.390.973
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		56.785.007.536	43.820.283.492

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập



Nguyễn Xuân Quang

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	Trình bày lại VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		68.835.050.380	52.612.674.465
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		8.116.963.924	32.174.758.335
- Các khoản dự phòng	03		(783.442.072)	4.944.880.539
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(17.041.936)	211.460.923
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(16.723.952.114)	(14.197.887.210)
- Chi phí lãi vay	06		1.043.468.944	851.611.090
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		60.471.047.126	76.597.498.142
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.891.627.293)	28.436.006.057
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.155.463.503	(22.595.222.866)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	5.28	(13.027.313.197)	(17.505.787.543)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.522.686.876)	27.171.500.238
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.043.468.944)	(851.611.090)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.709.961.294)	(7.616.245.417)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.636.700.152)	(15.750.837.102)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.794.752.873	67.885.300.419
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	5.28	(5.243.762.273)	(7.854.391.952)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.723.952.114	14.197.887.210
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.480.189.841	6.343.495.258
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu của CSH	31		12.578.900.003	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(18.094.226.899)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		127.579.462.096	105.909.179.154
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(119.139.336.151)	(106.345.346.604)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.803.721.000)	(17.028.812.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.878.921.951)	(17.464.979.950)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		396.020.763	56.763.815.727
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		152.712.107.310	96.170.426.976
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(74.681.334)	(222.135.393)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		153.033.446.739	152.712.107.310


TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập



Nguyễn Xuân Quang

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Dũng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gạch ngói Đồng Nai theo Quyết định số 2313/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Gạch ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 thành công ty cổ phần. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0300397028, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 6 ngày 03/01/2019 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 03/01/2019 là: 90.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng*), được chia thành 9.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: DONG NAI BRICK AND TILE CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt là: TUILDONAI CORP.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 119, đường Điện Biên Phủ, phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên sàn UpCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là GND.

Số lao động bình quân năm 2020 là 558 người (năm 2019 là: 595 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động gồm:

Công nghiệp sản xuất gạch ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng; Khai thác, chế biến khoáng sản; Đầu tư kinh doanh nhà và đô thị, văn phòng, căn hộ cao cấp, khu công nghiệp và khu dân cư; Môi giới bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng và khu công nghiệp; Trang trí nội ngoại thất công trình; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, vật tư máy móc trong lĩnh vực vật liệu xây dựng; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán thiết bị văn phòng, đồ gỗ, kim khí điện máy; Quảng cáo thương mại; Mua bán hàng tiêu dùng: thực phẩm, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), xe ô tô, xe gắn máy, phụ tùng xe gắn máy; Tư vấn và chuyển giao công nghệ sản xuất gốm thô; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán).

Trong năm hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại gạch ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng, cho thuê văn phòng và dịch vụ vận tải./.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 gặp nhiều khó khăn trong hoàn cảnh diễn biến dịch Covid-19 kéo dài. Thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu giảm mạnh dẫn đến việc Công ty đã phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất nhằm phù hợp với năng lực tiêu thụ. Giảm sản lượng còn 80% so với năng lực sản xuất của các nhà máy. Mặc dù sản lượng sản xuất giảm nhưng vẫn duy trì và đảm bảo 100% số lượng cán bộ công nhân viên đủ việc làm và đảm bảo thu nhập. Chính vì vậy chi phí đầu vào tăng cao như tiền lương, nhiên liệu và điện năng đã tạo nên các chi phí khác tăng cao. Đứng trước tình hình đó Ban Tổng Giám đốc Công ty đã bán sát quá trình sản xuất, kinh doanh, thắt chặt chi tiêu, tiết giảm chi phí để góp phần hạ giá thành sản phẩm và tạo điều kiện điều tiết và linh hoạt trong chính sách bán hàng, hài hòa về chính sách công nợ nhằm giảm thiểu sản lượng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.5 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có đầu tư vào Công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Đầu tư vào Công ty con			
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Kinh doanh gạch ngói	100%	100%
Các đơn vị trực thuộc			
Nhà máy Gạch Ngói Đồng Nai 2	Sản xuất gạch ngói		
Nhà máy Gạch Ngói Việt Đức	Sản xuất gạch ngói		
Nhà Máy Khai Thác & Chế Biến Khoáng Sản	Khai thác mỏ sét		

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2020	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	23.010 VND/USD	23.190 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (Công ty con) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào Công ty con.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ban hành ngày 12 tháng 4 năm 2017 về sửa đổi và bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	08 - 25
Máy móc, thiết bị khác	03 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	06 - 08

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán đã khấu hao hết.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm giá trị xây dựng (không bao gồm nội thất và thang máy) của tòa nhà Văn phòng tại Số 119 Điện Biên Phủ, phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh được sử dụng cho mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn là quyền sử dụng đất có thời hạn, được phân bổ theo thời hạn cấp phép khai thác khoáng sản:

Giai đoạn 1: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (sét gạch ngói) số 87/GP-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2009 với diện tích 88.753 m² (gồm 03 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 934370, AP 934371, AP 934372 ngày 09 tháng 11 năm 2009). Thời gian khai thác là 20 năm kể từ tháng 11 năm 2009. Phương thức: Nhà nước giao đất trả tiền hàng năm.

Giai đoạn 2: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (sét gạch ngói) số 42/GP-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2014 thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản số 87/GP-UBND ngày 11 tháng 09 năm 2009 với diện tích 27 ha (gồm 06 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CK 047267, CK 047268, CK 047270, CK 047271, CK 047278, CK 047280, CK 047280 ngày 17 tháng 7 năm 2017). Thời gian khai thác là 08 năm 10 tháng kể từ tháng 11 năm 2014. Phương thức: Nhà nước giao đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đất đến ngày 13 tháng 9 năm 2023.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp Theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo Phương thức cho thuê hoạt động chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Công ty hoạt động sản xuất các loại gạch ngói tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	578.661.809	97.244.230
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.454.784.930	47.092.148.861
Tương đương tiền	113.000.000.000	105.522.714.219
Tổng	153.033.446.739	152.712.107.310

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Á Châu với lãi suất từ 3,5%.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Tổng	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-

(*) Trái phiếu mua theo hợp đồng số 141/2020/HĐ-ĐMTP-VDS ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt phát hành:

- Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi.
- Mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu.
- Kỳ hạn 01 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu ngày 08 tháng 10 năm 2020
- Lãi suất 9%/ năm.
- Giá phát hành 100% mệnh giá.
- Tiền lãi được thanh toán vào ngày 08 hàng tháng.

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuildonai	7.458.713.537	4.088.831.760
Mao Kim Sean Depot	13.344.442.410	2.191.174.650
Phải thu các khách hàng còn lại	2.550.300.030	2.700.091.540
Tổng	23.353.455.977	8.980.097.950

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Tạm ứng	2.273.854.918	-	354.502.737	-
- Phải thu khác	2.256.366.205	-	348.530.105	-
	17.488.713	-	5.972.632	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	1.432.296.659	-	1.294.495.885	-
	1.432.296.659	-	1.294.495.885	-
Tổng	3.706.151.577	-	1.648.998.622	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Tân Hương	1.957.848.601	-	1.957.848.601	-
Các đối tượng khác	262.974.391	150.975	262.974.391	251.625
Tổng	2.220.822.992	150.975	2.220.822.992	251.625

Trong đó:

Thời gian quá hạn	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm VND		Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm VND		Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm VND		Quá hạn trên 3 năm VND	
	VND		VND		VND		VND	
Công ty TNHH Tân Hương	-	-	-	-	-	-	1.957.848.601	-
Các đối tượng khác	-	-	-	-	503.250	-	262.471.141	-
Tổng	-	-	-	-	503.250	503.250	2.220.319.742	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	48.257.383.180	-	47.464.423.885	-
Công cụ, dụng cụ	2.116.394.303	-	3.357.258.882	-
Chi phí SX KDDD	24.383.903	-	27.429.794	-
Thành phẩm	38.486.490.649	(12.469.694.631)	44.191.002.977	(13.253.237.353)
Tổng	88.884.652.035	(12.469.694.631)	95.040.115.538	(13.253.237.353)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2020	29.903.801.683	165.936.177.808	16.624.563.913	1.842.321.182	103.205.851.279	317.512.715.865
Tăng trong năm	-	3.024.726.035	5.243.762.273	-	-	8.268.488.308
Mua trong năm	-	3.024.726.035	5.243.762.273	-	-	8.268.488.308
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	29.903.801.683	168.960.903.843	21.868.326.186	1.842.321.182	103.205.851.279	325.781.204.173
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2020	24.017.304.047	143.030.090.395	10.099.477.730	1.842.321.182	102.464.043.569	281.453.236.923
Tăng trong năm	1.209.278.892	3.694.316.262	2.286.327.841	-	429.651.009	7.619.574.004
Khấu hao trong năm	1.209.278.892	3.694.316.262	2.286.327.841	-	429.651.009	7.619.574.004
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	25.226.582.939	146.724.406.657	12.385.805.571	1.842.321.182	102.893.694.578	289.072.810.927
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2020	5.886.497.636	22.906.087.413	6.525.086.183	-	741.807.710	36.059.478.942
Tại ngày 31/12/2020	4.677.218.744	22.236.497.186	9.482.520.615	-	312.156.701	36.708.393.246

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 255.421.182.374 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với giá trị là 254.690.636.920 đồng)

5.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán với nguyên giá 104.103.806 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	01/01/2020	31/12/2020
Bất động sản đầu tư cho thuê		
Nguyên giá		
- Nhà và quyền sử dụng đất	12.207.837.490	12.207.837.490
Giá trị hao mòn lũy kế		
- Nhà và quyền sử dụng đất	6.819.446.603	7.316.836.523
Giá trị còn lại		
- Nhà và quyền sử dụng đất	5.388.390.887	4.891.000.967
	5.388.390.887	4.891.000.967

Bất động sản đầu tư là giá trị tòa nhà Văn phòng tại số 119 Điện Biên Phủ, phường ĐaKao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (không bao gồm giá trị nội thất và giá trị thang máy). Tòa nhà này sử dụng đồng thời làm văn phòng của Công ty và cho mục đích thuê. Tuy nhiên, diện tích phần lớn là cho thuê nên Công ty theo dõi toàn bộ trên giá trị tài sản Bất động sản đầu tư và được khấu hao trong thời gian 25 năm.

5.10 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xí nghiệp Mò sét số 6	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Mua sắm tài sản cố định	3.239.600.000	3.239.600.000	3.239.600.000	3.239.600.000
Tổng	3.239.600.000	3.239.600.000	4.239.600.000	4.239.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Đầu tư vào công ty con*Đơn vị tính: VND*

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2020		01/01/2020	
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý {*}	Giá gốc	Giá trị hợp lý {*}
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	100%	100%	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Tổng			10.000.000.000	-	10.000.000.000	-

(*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Đầu tư vào Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại	119 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt (gạch, ngói,...)

5.12 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.787.071.891	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (*)	4.787.071.891	-
b) Dài hạn	57.945.067.295	56.209.452.310
Quyền sử dụng đất có thời hạn	57.945.067.295	56.209.452.310
Tổng	62.732.139.186	56.209.452.310

(*) Công cụ dụng cụ chờ phân bổ ngắn hạn là chi phí sửa chữa Hệ thống béc đốt CNG theo Tờ trình mua sắm, sửa chữa số 1310/BC – GNDN - KTVT ngày 01 tháng 11 năm 2019 với giá trị ban đầu là 6.382.762.522 đồng, thời gian phân bổ là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2020. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số tháng phân bổ còn lại là 9 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2 - TNHH MTV	-	-	2.403.401.000	2.403.401.000
Công ty TNHH Phương Thảo	146.943.400	146.943.400	4.832.423.707	4.832.423.707
Công ty TNHH BEHN MEYER Việt Nam	6.543.115.040	6.543.115.040	5.141.018.960	5.141.018.960
Doanh nghiệp tư nhân Cao Kim Long	4.160.908.200	4.160.908.200	94.934.400	94.934.400
Công ty TNHH TM Xăng dầu Trung Anh	-	-	3.120.543.647	3.120.543.647
Cty TNHH MTV TM Tuildonai	1.786.906.877	1.786.906.877	1.370.765.785	1.370.765.785
Phải trả người bán khác	6.962.840.247	6.962.840.247	5.256.566.865	5.256.566.865
Tổng	19.600.713.764	19.600.713.764	22.219.654.364	22.219.654.364

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2020 (VND)		Số phải nộp trong năm (VND)		Số đã nộp trong năm (VND)		31/12/2020 (VND)	
	01/01/2020 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	31/12/2020 (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	31/12/2020 (VND)	
Phải nộp	6.104.988.206	32.267.752.722	32.267.752.722	31.816.737.715	6.556.003.213	31.816.737.715	6.556.003.213	
Thuế GTGT	1.084.382.443	11.971.678.705	11.971.678.705	12.185.121.747	870.939.401	12.185.121.747	870.939.401	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	79.093.765	79.093.765	79.093.765	-	79.093.765	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.150.068.795	12.050.042.844	12.050.042.844	10.709.961.294	4.490.150.345	10.709.961.294	4.490.150.345	
Thuế thu nhập cá nhân	1.479.651.818	3.536.495.854	3.536.495.854	3.933.986.205	1.082.161.467	3.933.986.205	1.082.161.467	
Thuế đất	-	1.739.519.198	1.739.519.198	1.739.519.198	-	1.739.519.198	-	
Thuế tài nguyên	348.313.500	2.477.311.479	2.477.311.479	2.723.564.979	102.060.000	2.723.564.979	102.060.000	
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	6.000.000	-	6.000.000	-	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	42.571.650	407.610.877	407.610.877	439.490.527	10.692.000	439.490.527	10.692.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trích trước tiền thuê đất	1.162.979.522	1.162.979.522
Trích trước chi phí vận chuyển	93.935.909	256.334.071
Trích trước chi phí khác	674.330.848	853.195.414
Tổng	1.931.246.279	2.272.509.007

5.16 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	10.060.735.791	9.034.175.718
Kinh phí công đoàn	743.997.264	375.101.216
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	328.349.106	268.723.234
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.437.339.162	6.967.699.209
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.054.551.000	942.432.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	496.499.259	480.220.059
b) Dài hạn	1.578.758.311	1.754.888.311
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.578.758.311	1.754.888.311
Tổng	11.639.494.102	10.789.064.029

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Mua bán Nợ - Bộ Tài chính	287.125.970	287.125.970
Phải trả khác	209.373.289	193.094.089
Tổng	496.499.259	480.220.059

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vay ngắn hạnĐơn vị tính: VND

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu	19.115.593.721	19.115.593.721	118.940.462.795	115.523.697.828	15.698.828.754	15.698.828.754
Vay ngắn hạn khác từ cá nhân	7.125.757.774	7.125.757.774	8.638.999.301	3.615.638.323	2.102.396.796	2.102.396.796
- Cán bộ công nhân viên	7.125.757.774	7.125.757.774	8.638.999.301	3.615.638.323	2.102.396.796	2.102.396.796
Tổng	26.241.351.495	26.241.351.495	127.579.462.096	119.139.336.151	17.801.225.550	17.801.225.550

Vay ngắn hạn Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/93267/HBTD ngày 01 tháng 4 năm 2020

Số tiền được vay

Hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 70.000.000.000 đồng.

Mục đích vay

Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thời hạn vay

Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Lãi suất vay

Được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

Số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

19.115.593.721 đồng.

Vay ngắn hạn của ông Bùi Xuân Đức theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2020 ngày 29 tháng 3 năm 2020

Phương thức cho vay

Tiền thương các bộ công nhân viên.

Mục đích vay

Bổ sung vốn lưu động (mua nguyên nhiên liệu)

Thời hạn vay

12 tháng.

Số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

7.125.757.774 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu*Đơn vị tính: VND***a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu Quý	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2019	90.000.000.000	8.305.148.444	53.373.613.283	-	73.266.446.954	224.945.208.681
Tăng trong năm	-	-	53.111.124.864	-	71.586.468.500	124.697.593.364
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	43.820.283.492	43.820.283.492
Phân phối lợi nhuận	-	-	53.111.124.864	-	-	53.111.124.864
Điều chỉnh chi phí khấu hao từ 2009-2018	-	-	-	-	27.766.185.008	27.766.185.008
Giảm trong năm	-	-	-	-	88.092.475.403	88.092.475.403
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	53.111.124.864	53.111.124.864
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	6.743.366.343	6.743.366.343
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	9.900.000.000	9.900.000.000
Tạm chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	7.200.000.000	7.200.000.000
Chi tiền khen thưởng HĐQT & BKS	-	-	-	-	456.600.000	456.600.000
Chi khen thưởng Công ty con	-	-	-	-	484.459.451	484.459.451
Truy thu thuế	-	-	-	-	10.175.388.120	10.175.388.120
Nộp phạt hành chính	-	-	-	-	21.536.625	21.536.625
Số dư tại ngày 31/12/2019	90.000.000.000	8.305.148.444	106.484.738.147	-	56.760.440.051	261.550.326.642

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu Quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	90.000.000.000	8.305.148.444	106.484.738.147	-	56.760.440.051	261.550.326.642
Tăng trong năm	-	(78.981.275)	12.311.000.000	(5.436.345.621)	56.785.007.536	63.580.680.640
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	56.785.007.536	56.785.007.536
Phân phối lợi nhuận	-	-	12.311.000.000	-	-	12.311.000.000
Mua lại cổ phiếu quỹ đã phát hành (**)	-	(78.981.275)	-	(5.436.345.621)	-	(5.515.326.896)
Giảm trong năm	-	-	-	-	31.937.680.907	31.937.680.907
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	12.311.000.000	12.311.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	9.233.000.000	9.233.000.000
phúc lợi (*)	-	-	-	-	9.915.840.000	9.915.840.000
Chia cổ tức năm 2019 (*)	-	-	-	-	440.000.000	440.000.000
Chi tiền khen thưởng HĐQT & BKS (*)	-	-	-	-	-	-
Truy thu thuế	-	-	-	-	35.474.929	35.474.929
Phạt hành chính khác	-	-	-	-	2.365.978	2.365.978
Số dư tại ngày 31/12/2020	90.000.000.000	8.226.167.169	118.795.738.147	(5.436.345.621)	81.607.766.680	293.193.326.375

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên số 21-2020/NQ-ĐHCD ngày 08 tháng 5 năm 2020 với tỷ lệ như sau: chi trả cổ tức 20% trên vốn điều lệ, quỹ khen thưởng phúc lợi 15% trên lợi nhuận sau thuế, thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch cho HĐQT, BKS 1% trên lợi nhuận sau thuế, quỹ đầu tư phát triển bằng số lợi nhuận sau thuế còn lại.

(**) Mua cổ phiếu quỹ đã phát hành theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05-2020/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc thông qua phương án mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tổng số cổ phần đăng ký mua lại: 900.000 cổ phần, tương đương 10% số lượng cổ phần đã phát hành của Công ty. Mục đích mua lại cổ phiếu: làm cổ phiếu quỹ để bảo vệ quyền lợi và gia tăng lợi ích cho cổ đông của Công ty. Bán cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 36/2020/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tổng số cổ phiếu quỹ đăng ký bán: 736.800 cổ phần (trong đó số đã bán cuối năm 2020 là 515.200 cổ phần và đầu năm 2021 là 221.600 cổ phần), tương đương 8,19% tổng số lượng cổ phần đã phát hành của Công ty. Mục đích bán cổ phiếu quỹ: bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Công ty TNHH Xây dựng An Cư	0,00%	-	-	4,44%	400.000	4.000.000.000
Ông Nguyễn Đức Hoàng	16,58%	1.492.600	14.926.000.000	16,58%	1.492.600	14.926.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Hải	7,50%	675.000	6.750.000.000	7,50%	675.000	6.750.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	5,58%	502.300	5.023.000.000	5,58%	502.300	5.023.000.000
Ông Nguyễn Đức Dũng	10,67%	960.000	9.600.000.000	10,67%	960.000	9.600.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	59,67%	5.370.100	53.701.000.000	55,23%	4.970.100	49.701.000.000
Tổng	100%	9.000.000	90.000.000.000	100%	9.000.000	90.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	90.000.000.000	90.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.915.840.000	7.200.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	12.311.000.000	53.111.124.864
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	9.233.000.000	6.743.366.343
Chi tiền khen thưởng HĐQT & BKS	440.000.000	456.600.000
Chi khen thưởng Công ty con	-	484.459.451

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	221.600	-
Cổ phiếu phổ thông	221.600	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.778.400	9.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.778.400	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	118.795.738.147	106.484.738.147
Tổng	118.795.738.147	106.484.738.147

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

		Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
5.19	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Doanh thu bán hàng	325.946.696.250	348.258.494.628
	Doanh thu bất động sản đầu tư	11.187.079.487	11.643.636.960
	Tổng	337.133.775.737	359.902.131.588
5.20	Giá vốn hàng bán		
	Giá vốn của hàng hóa đã bán	238.175.339.017	269.857.167.519
	Giá vốn cho thuê văn phòng	4.404.461.198	4.250.678.761
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(783.542.722)	5.393.512.597
	Tổng	241.796.257.493	279.501.358.877
5.21	Doanh thu hoạt động tài chính		
		Năm 2020	Năm 2019
		VND	Trình bày lại
			VND
	Lãi tiền gửi	6.868.767.200	4.508.698.171
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.855.184.914	9.689.189.039
	Lãi chênh lệch tỷ giá	375.974.741	564.664.799
	Tổng	17.099.926.855	14.762.552.009
5.22	Chi phí tài chính		
		Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
	Lãi tiền vay	1.043.468.944	851.611.090
	Lỗ chênh lệch tỷ giá	350.573.447	288.236.827
	Tổng	1.394.042.391	1.139.847.917
5.23	Chi phí bán hàng		
		Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
	Chi phí nhân viên	2.564.370.374	2.884.309.770
	Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	5.669.468.163	7.008.268.869
	Chi phí bảo hành sản phẩm	211.536.867	154.456.374
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.719.373.506	2.245.458.414
	Chi phí bằng tiền khác	2.963.254.520	2.952.586.233
	Tổng	15.128.003.430	15.245.079.660

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.752.492.863	10.621.465.737
Chi phí vật liệu quản lý	266.937.058	569.431.238
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.777.545.231	1.170.136.800
Thuế phí và lệ phí	5.669.490.104	5.565.434.877
Chi phí dự phòng	100.650	(74.437.333)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.127.897.318	1.230.313.713
Chi phí bằng tiền khác	6.540.830.674	7.204.509.137
Tổng	27.135.293.898	26.286.854.169

5.25 Lợi nhuận khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Các khoản khác	54.945.000	121.131.491
Tổng	54.945.000	121.131.491
<i>Chi phí khác</i>		
Tổng	-	-
Thu nhập khác thuần	54.945.000	121.131.491

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 Trình bày lại VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	68.835.050.380	52.612.674.465
2. Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	1.270.348.753	1.038.469.435
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành</i>	238.000.000	259.350.000
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ</i>	925.140.689	556.984.042
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục tiền, phải thu khách hàng</i>	107.208.064	222.135.393
3. Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	9.855.184.914	9.689.189.039
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	9.855.184.914	9.689.189.039
4. Thu nhập chịu thuế	60.250.214.219	43.961.954.861
5. Thu nhập tính thuế	60.250.214.219	43.961.954.861
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	20%	20%
6. Thuế TNDN hiện hành	12.050.042.844	8.792.390.973

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.27 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	138.060.635.802	156.064.112.158
Chi phí nhân công	93.754.197.167	97.302.589.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.116.963.924	32.249.202.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.399.157.473	22.594.502.327
Chi phí khác bằng tiền	22.938.518.757	20.808.977.978
Tổng	290.269.473.123	329.019.384.784

5.28 Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 2.024.726.035 đồng (năm 2019 là 1.090.670.000 đồng), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

THÔNG TIN KHÁC

1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty

Bên liên quan	Chức danh	Tính chất giao dịch	Năm 2020		Năm 2019	
			VND	VND	VND	VND
Hội đồng Quản trị						
Ông Nguyễn Đức Hoàng	Chủ tịch HĐQT	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	3.783.057.346	3.698.560.183		
Bà Bùi Thị Chiêm	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	1.757.513.230	1.758.629.132		
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	1.074.449.116	1.047.660.051		
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên HĐQT	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	296.600.000	277.500.000		
Ông Võ Đình Thanh Huyền	Thành viên HĐQT	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	296.600.000	277.500.000		
Ông Hoàng Hữu Thăng	Thư ký HĐQT	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	61.295.000	59.771.000		
Ban Kiểm soát						
Ông Lê Minh Đức	Trưởng ban	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	754.647.000	705.636.000		
Ông Hoàng Hữu Thăng	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	267.549.000	251.212.000		
Ông Trần Hồng Tuấn	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	243.549.000	227.212.000		
Ban Giám đốc						
Ông Nguyễn Đức Dũng	Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	6.206.984.041	4.156.244.907		
Ông Hoàng Quang Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	1.627.061.980	1.493.929.643		
Ông Hoàng Hữu Thăng	Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	948.456.224	874.163.539		
Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	979.008.715	904.682.660		
Ông Nguyễn Thanh Long	Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	985.497.839	883.469.065		
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	836.609.532	-		
Tổng			830.349.751	-		
			10.744.688.387	8.560.441.090		

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐÔNG NAI

áo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2020</u> VND	<u>Năm 2019</u> VND
<u>Giao dịch bán</u>				
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDDONAI	Công ty con	Bán thành phẩm	251.171.710.693	284.171.752.261
		Cho thuê văn phòng	1.039.360.000	1.075.200.000
		Tiền điện phải thu	97.795.866	102.295.319
<u>Giao dịch mua</u>				
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDDONAI	Công ty con	Mua vật liệu xây dựng	1.624.460.796	1.246.150.718

c. Số dư phải trả và phải trả khác với bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2020</u> VND	<u>01/01/2020</u> VND
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDDONAI	Công ty con	Phải thu khách hàng	7.458.713.537	4.088.831.760
		Phải trả người bán	1.786.906.877	1.370.765.785
		Phải trả khác	5.400.000.000	5.400.000.000
		Người mua trả tiền trước	-	84.379.890

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần. Một số chỉ tiêu được trình lại cho phù hợp với số trình bày năm 2020, cụ thể:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Chỉ tiêu	MS	Năm 2019	Năm 2019	Chênh lệch
		(Số đã báo cáo) VND	(Số trình bày lại) VND	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.073.362.970	14.762.552.009	(9.689.189.039)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	42.802.353.935	52.491.542.974	(9.689.189.039)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	42.923.485.426	52.612.674.465	(9.689.189.039)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	34.131.094.453	43.820.283.492	(9.689.189.039)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Chỉ tiêu	MS	Năm 2019	Năm 2019	Chênh lệch
		(Số đã báo cáo) VND	(Số trình bày lại) VND	
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.923.485.426	52.612.674.465	(9.689.189.039)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	66.908.309.103	76.597.498.142	(9.689.189.039)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(7.816.598.504)	(17.505.787.543)	9.689.189.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	67.885.300.419	67.885.300.419	-

Người lập



Nguyễn Xuân Quang

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Dũng